

Số: 11 /2018/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về
thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về
quản lý chất thải và phế liệu;
Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 2/4/2015 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP
ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 459/TTr-SXD
ngày 30/01/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động
thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban,
ngành của Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ
trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND Tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44... /2018/QĐ-UBND
ngày 02... tháng 3... năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước tại các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và các khu chức năng đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2014/NĐ-CP), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP) của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ sau đây được hiểu sau đây:

1. Hoạt động thoát nước là các hoạt động về quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Hệ thống thoát nước gồm: Mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa,...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước được chia thành các loại sau đây:

a) Hệ thống thoát nước chung là hệ thống trong đó nước thải, nước mưa thu gom cùng một hệ thống;

b) Hệ thống thoát nước riêng là hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt;

c) Hệ thống thoát nước nửa riêng là hệ thống thoát nước chung có tuyến cống bao để tách nước thải đưa về nhà máy xử lý.

3. Khu vực đô thị: Là phạm vi xác định theo địa giới hành chính hoặc phạm vi nghiên cứu của đồ án quy hoạch chung các đô thị hiện hữu và đô thị mới; các khu vực dự kiến hình thành đô thị mới và mở rộng đô thị hiện hữu (được xác định theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng vùng...).

4. Điểm, khu dân cư nông thôn: Là nơi cư trú tập trung của các hộ gia đình gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội khác trong không gian nhất định xác định tại các đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn.

5. Khu chức năng đặc thù là khu vực phát triển theo các chức năng chuyên biệt hoặc hỗn hợp như:

- a) Khu kinh tế.
- b) Khu, cụm công nghiệp; khu chế xuất; khu công nghệ cao; khu, cụm làng nghề; khu liên hiệp công nông nghiệp; khu chăn nuôi.
- c) Khu, điểm du lịch; khu sinh thái; khu công viên.
- d) Khu bảo tồn; khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng.
- đ) Khu nghiên cứu, đào tạo, thực nghiệm; khu thể dục thể thao;
- e) Khu ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ;
- g) Cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, bến thủy nội địa.
- h) Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Kho tàng, bến bãi, cảng cạn, trạm dừng chân, ga tàu, bến tàu, bến xe, nghỉ trang, khu cấp nước.
- i) Khu chức năng đặc thù khác được xác định theo quy hoạch xây dựng vùng hoặc quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập.

6. Đơn vị thoát nước là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành.

7. Hộ thoát nước là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, nước ngoài sinh sống và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

8. Và các từ ngữ khác về thoát nước và xử lý nước thải được giải thích tại Điều 2 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Điều 3 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Hệ thống thoát nước của địa phương

1. Hệ thống thoát nước của địa phương bao gồm:

a) Hệ thống thoát nước mưa gồm: Mạng lưới cống, kênh mương thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, các trạm bơm nước mưa, cửa thu, giếng thu nước mưa, cửa xả và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom và tiêu thoát nước mưa.

b) Hệ thống thoát nước thải bao gồm: Mạng lưới cống, giếng tách dòng, đường ống thu gom và chuyển tải nước thải, trạm bơm nước thải, nhà máy xử lý nước thải, cửa xả và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát và xử lý nước thải.

c) Hệ thống hồ điều hòa gồm các hồ tự nhiên hoặc nhân tạo để tiếp nhận nước, điều hòa tiêu thoát nước cho hệ thống thoát nước.

d) Các công trình khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải.

đ) Các nguồn tiếp nhận là các nguồn nước chảy thường xuyên hoặc định kỳ như sông suối, kênh rạch, ao hồ, đầm phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất.

2. Lựa chọn hình thức thoát nước:

a) Tất cả các khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn và khu chức năng đặc thù khi được quy hoạch và đầu tư xây dựng mới phải là hệ thống thoát nước riêng.

b) Đối với các khu vực hiện hữu đã có hệ thống thoát nước thải và nước mưa thu gom cùng một hệ thống; khi cải tạo, nâng cấp hệ thống cần ưu tiên thực hiện tách hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng, trong trường hợp khó khăn có thể thực hiện thành hệ thống thoát nước nửa riêng.

c) Đối với các khu vực còn lại tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi địa phương tổ chức lựa chọn loại hệ thống thoát nước phù hợp.

d) Ưu tiên thực hiện hệ thống thoát nước xử lý nước thải tập trung để tiết kiệm quỹ đất và chi phí, xây dựng, vận hành nhà máy xử lý và thuận lợi cho việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

đ) Tại các khu vực chưa được kết nối hoặc điều kiện thực tế không cho phép kết nối với hệ thống thoát nước tập trung có thể chọn hình thức xử lý nước thải phi tập trung có nước thải sau xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành; đối với các khu vực chưa kết nối có thể đầu tư hệ thống xử lý nước thải phi tập trung có thời hạn phù hợp với việc kết nối vận hành của hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Điều 4. Nguyên tắc chung quản lý hoạt động thoát nước

1. Hệ thống thoát nước phải được thiết kế và xây dựng đồng bộ (bao gồm cả việc thu gom, xử lý bùn cặn; xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào đến nguồn tiếp nhận đối với các khu dân cư chưa được kết nối với hệ thống chung và các khu chức năng đặc thù,...), được duy tu, bảo dưỡng.

Trong trường hợp hạn hẹp về kinh phí thì có thể phân chia giai đoạn để đầu tư, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ nêu trên; ưu tiên sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Nước mưa, nước thải phải được thu gom vào hệ thống thoát nước theo quy định;

3. Nước thải trước khi đưa vào hệ thống thoát nước phải đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xả vào hệ thống thoát nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và các quy định khác của chủ sở hữu; nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

4. Hệ thống thoát nước sau khi xây dựng xong phải được chủ sở hữu giao cho đơn vị thoát nước chuyên nghiệp để quản lý, vận hành.

5. Người sử dụng dịch vụ thoát nước phải trả tiền dịch vụ; nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ thoát nước phải từng bước đáp ứng và tiến tới bù đắp hoàn toàn chi phí dịch vụ thoát nước.

6. Dịch vụ thoát nước được cung cấp từ các dự án thoát nước sử dụng vốn ngân sách do UBND tỉnh quy định giá và có tính đến các yếu tố: đối tượng; loại hình và mức độ ô nhiễm của nước thải xả vào hệ thống thoát nước; khả năng chi trả, hay điều kiện kinh tế xã hội của các hộ thoát nước.

7. Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật khác có liên quan.

8. Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước, chủ đầu tư:

a) Có nghĩa vụ thu thập dữ liệu cao độ nền và xác định các lưu vực thoát nước có liên quan theo quy hoạch xây dựng được duyệt để tính toán cải tạo, nâng cấp hoặc bố trí mới hệ thống thoát nước cho phù hợp, đảm bảo đồng bộ, lâu dài.

b) Có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm thoát nước bình thường; đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng mới.

9. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong hoạt động thoát nước.

Chương II

QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH, ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 5. Quy hoạch hệ thống thoát nước

1. Quy hoạch thoát nước các đô thị trên địa bàn tỉnh là một nội dung của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị; riêng đối với UBND thành phố Biên Hòa lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước.

2. Quy hoạch thoát nước các khu chức năng đặc thù là một nội dung của quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù.

3. Quy hoạch thoát nước điểm, khu dân cư nông thôn là một nội dung của quy hoạch xây dựng nông thôn.

4. Các quy định khác về quy hoạch hệ thống thoát nước được quy định tại Điều 5 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06-8-2014 của Chính phủ và các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng hiện hành.

Điều 6. Quản lý cao độ liên quan đến thoát nước

1. Quản lý cao độ nền:

a) Cao độ nền đô thị được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng theo hệ cao độ chuẩn quốc gia phải đảm bảo yêu cầu tiêu thoát nước mưa, nước thải và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng cấp huyện có trách nhiệm quản lý và cung cấp các thông tin về cao độ nền theo các đồ án quy hoạch được duyệt trên địa bàn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

c) Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình lập dự án, đầu tư xây dựng công trình phải tuân thủ cao độ nền được cơ quan có thẩm quyền cung cấp;

d) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch chi tiết, thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp giữa cao độ thiết kế công trình xây dựng và cao độ nền theo các đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt tại khu vực.

2. Quản lý cao độ của hệ thống thoát nước:

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm:

a) Xác định và quản lý cao độ mực nước các hồ điều hòa, kênh mương thoát nước nhằm đảm bảo tối đa khả năng tiêu thoát, điều hòa nước mưa, chống ngập úng và bảo vệ môi trường.

b) Quản lý các tuyến cống chính và cống thu gom nước thải, nước mưa;

c) Cung cấp cao độ của hệ thống thoát nước cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các sông, hồ, kênh, mương có liên quan đến thoát nước có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc đảm bảo yêu cầu về thoát nước, chống ngập úng đô thị.

Điều 7. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Nội dung Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, nâng cao độ bao phủ dịch vụ và cải thiện chất lượng dịch vụ.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước phải phù hợp với định hướng phát triển thoát nước, quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt và có sự phối hợp đồng bộ với các địa phương có liên quan.

3. Trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với đơn vị thoát nước lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước hàng năm và giai đoạn 05 năm của từng địa phương gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

b) Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của các đơn vị, Sở Xây dựng lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước chung cho toàn tỉnh.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. UBND cấp huyện là chủ sở hữu đối với công trình thoát nước trên địa bàn do mình quản lý:

- a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu dân cư, khu đô thị mới;
- c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh, khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

d) Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện cụ thể của địa phương, UBND cấp huyện ủy quyền, phân cấp cho UBND cấp xã, phường, thị trấn làm chủ sở hữu công trình thoát nước trong địa bàn do mình quản lý.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển hạ tầng khu dân cư, khu đô thị mới, khu chức năng đặc thù là chủ sở hữu công trình thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho UBND các cấp theo phân cấp.

Điều 9. Chủ đầu tư công trình thoát nước

1. Tùy theo quy mô, nguồn vốn, đặc điểm, điều kiện thực tế của dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh hoặc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước trên địa bàn.

2. Chủ đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách là Ban Quản lý xây dựng nông thôn xã do UBND xã quyết định; trong trường hợp Ban Quản lý xây dựng nông thôn xã không đủ năng lực thì UBND huyện giao cho đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của UBND xã.

3. Đơn vị được giao làm chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu dân cư, khu đô thị mới, khu chức năng đặc thù là chủ đầu tư công trình thoát nước trên địa bàn được giao quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư; công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

Điều 10. Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; ưu tiên sử dụng công nghệ

thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương;

3. Trường hợp chủ đầu tư các công trình thoát nước, xử lý nước thải không đồng thời là chủ sở hữu thì chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao công trình cho chủ sở hữu sau khi đã tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng. Việc bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng được thực hiện theo Điều 124 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 34 Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định có liên quan. Khi bàn giao công trình, chủ đầu tư phải bàn giao cho chủ sở hữu các tài liệu gồm: bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế các tài liệu cần thiết khác có liên quan. Trường hợp chưa bàn giao được công trình cho chủ sở hữu thì chủ đầu tư có trách nhiệm tạm thời quản lý, vận hành công trình xây dựng.

Điều 11. Các chính sách hỗ trợ hoạt động thoát nước

1. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức đối tác công tư (PPP). Mở rộng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư; tranh thủ tối đa các nguồn viện trợ phi chính phủ (NGO); vốn ODA; vốn vay ưu đãi và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các nhà đầu tư hệ thống thoát nước được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền thuế sử dụng đất đai, ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo các quy định hiện hành về ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn, thuế đối với hoạt động bảo vệ môi trường; hỗ trợ đầu tư, chuyển giao công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 12. Lựa chọn đơn vị thoát nước để quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo các quy định hiện hành về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu chức năng đặc thù tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư.

3. Đơn vị thoát nước phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 13. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Các chủ sở hữu và các đơn vị thoát nước phải thực hiện ký kết Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước giữa Chủ sở hữu và đơn vị thoát nước được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

3. Thời hạn hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

a) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 05 năm và dài nhất là 10 năm;

b) Trường hợp muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng, trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng ít nhất là 01 năm thì các bên tham gia hợp đồng phải thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý vận hành và đi đến ký kết.

4. Việc chấm dứt, nghiệm thu thanh toán, chuyển nhượng hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 19 Nghị định 80/2014/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

Điều 14. Quản lý hệ thống thoát nước

Quản lý hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa; quản lý hệ thống hồ điều hòa; quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải thực hiện các nội dung theo Điều 20, 21, 22 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 15. Quy định về xử lý nước thải phi tập trung

1. Việc quản lý xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 1 Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 3/4/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BXD).

2. Việc xả nước thải phi tập trung vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo thống nhất theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và các quy định liên quan.

Điều 16. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét, gửi chủ sở hữu hệ thống thoát nước trước 05 ngày để phối hợp giám sát, quản lý. Thời gian thi công nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước phải được tiến hành trước mùa mưa hàng năm, hoặc có thể đột xuất tùy theo tình hình và diễn biến mưa lũ và khả năng tiêu thoát nước tại khu vực.

2. Thực hiện các biện pháp cần thiết (như: đặt tín hiệu, biển báo công trình, v.v...) để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

3. Chất thải nạo vét phải để vào thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải vận chuyển về đúng nơi quy định, thùng kín phải được bố trí tại vị trí phù hợp, không gây cản trở, ảnh hưởng đến người dân. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

4. Vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dùng, không được để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng.

5. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đập nắp đạn, chèn khít mạch hệ thống thoát nước đến đó để đảm bảo an toàn, không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

6. Không tổ chức nạo vét vào các giờ cao điểm (sáng từ 7 giờ đến 8 giờ sáng, trưa từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút và chiều từ 17 giờ đến 19 giờ). Trường hợp khẩn thiết, việc tổ chức nạo vét vào các giờ cao điểm phải được sự đồng ý của UBND cấp huyện.

Điều 17. Quản lý bùn thải

1. Việc quản lý bùn thải, bùn nạo vét thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 40, Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Điều 2 và Điều 3 Thông tư 04/2015/TT-BXD.

2. Quản lý bùn thải bể tự hoại ngoài việc tuân thủ các quy định Điều 3 Thông tư 04/2015/TT-BXD còn thực hiện các quy định sau:

a) Các hệ thoát nước trong quá trình sử dụng bể tự hoại tùy theo các thông số thiết kế của bể, định kỳ phải làm sạch và hút cặn bể bằng kinh phí của hệ thoát nước. Các hệ thoát nước có thể lựa chọn đơn vị thoát nước hoặc đơn vị có chức năng, năng lực đảm bảo để thực hiện việc làm sạch, hút cặn, vận chuyển và xử lý bùn thải bể tự hoại đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

b) Đơn vị thoát nước có thể tham mưu về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện và điều phối các hoạt động có liên quan nếu được yêu cầu.

Điều 18. Quản lý nước thải sau xử lý và hệ thống thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận

1. Quản lý nước thải sau xử lý:

a) Nước thải sau xử lý phải được thu gom cho mục đích tái sử dụng hoặc xả ra nguồn tiếp nhận nước thải phẩm đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và các quy định liên quan.

b) Việc tái sử dụng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các quy định cụ thể cho từng mục đích sử dụng.

c) Hoạt động tái sử dụng nước thải được hưởng các hình thức ưu đãi như sau: được vay vốn ưu đãi theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư của Nhà nước; được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế.

d) Các hoạt động tái sử dụng nước thải được ưu đãi: Tổ chức đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp hạng mục công trình để thu gom, xử lý nước thải có quy mô từ 40m³/ngày đêm trở lên, đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước phù hợp với mục đích được tái sử dụng và sử dụng lượng nước đó cho các hoạt động của mình đạt từ 80% trở lên.

2. Quản lý hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý các điểm xả; giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận được Bộ

Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

b) UBND cấp huyện quản lý các điểm xả; giám sát chất lượng nước thải xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận của các hộ thoát nước còn lại.

c) Việc quản lý hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận thực hiện theo Điều 26 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 19. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) phải thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với các đơn vị thoát nước trước khi đầu nối và xả nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước công cộng theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 02, Thông tư số 04/2015/TT-BXD và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Chương IV

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 20. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Được ngừng dịch vụ thoát nước đối với các trường hợp quy định tại Điều 29 của Quy định này.

b) Các quyền khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ các quy trình, quy định về tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

b) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước; kịp thời xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước và xử lý nước thải; đảm bảo duy trì ổn định việc cung cấp dịch vụ cả về chất lượng và số lượng theo quy định và đúng hợp đồng dịch vụ đã ký;

c) Ghi nhận mọi phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước thuộc trách nhiệm của mình, bảo đảm sự hài lòng cao nhất cho các bên sử dụng;

d) Chỉ định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đầu nối trong trường hợp giải quyết miễn trừ đầu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đầu nối vào cùng một vị trí đầu nối và một hố kiểm tra; kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ nhà ra tới hố kiểm tra kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình.

đ) Báo cáo định kỳ hàng Quý theo quy định tới chủ sở hữu, UBND cấp huyện, Ban Quản lý các Khu công nghiệp (đối với hoạt động thoát nước trong các KCN), Sở Xây dựng và các cơ quan Trung ương khác khi có yêu cầu.

- e) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên sử dụng theo quy định pháp luật;
- g) Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của hộ thoát nước

1. Tổ chức, cá nhân hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước có các quyền sau đây:

- a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;
- b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;
- c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước.
- d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của hợp đồng dịch vụ thoát nước;
- đ) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân và hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước có các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn. Hộ thoát nước đã thanh toán giá dịch vụ thoát nước không phải trả phí bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Hộ thoát nước xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành.
- b) Xả nước thải vào hệ thống thoát nước đúng quy định, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo hợp đồng ký kết;
- c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;
- d) Đầu tư xây dựng toàn bộ công trình phục vụ đấu nối, hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công.
- đ) Đấu nối hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận đấu nối;
- e) Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 22. Đấu nối hệ thống thoát nước

1. Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, công thu gom nước mưa, nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây

dụng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng phải đấu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối quy định tại Điều 35 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP, Điều 27 của Quy định này và pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu dân cư nông thôn tập trung và khu chức năng đặc thù đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đấu nối của hệ thống thoát nước đó.

Điều 23. Yêu cầu đấu nối hệ thống thoát nước

1. Bố trí hộp đấu nối để đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đấu nối; đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng khi cần thiết tránh rò rỉ nước thải. Hộp đấu nối được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước, tại vị trí điểm đấu nối đặt trên phần đất công sát ranh giới giữa phần đất công với đất tư của mỗi hộ thoát nước.

2. Tất cả hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất tư của mình và đấu nối vào hộp đấu nối; hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng khi thi công.

3. Cao độ của điểm đấu nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào. Hộ thoát nước đấu nối phải tự bỏ kinh phí của mình để thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết tránh nước thải chảy ngược từ hệ thống thoát nước công cộng vào.

4. Các hộ thoát nước đều được cung cấp:

a) Một vị trí đấu nối chung cho cả nước thải và nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước chung;

b) Một vị trí đấu nối vào cống thoát nước thải và một vị trí đấu nối vào cống thoát nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước riêng.

5. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hộp đấu nối đến cống cấp 3, cấp 2 và cấp 1.

Điều 24. Quy định về xả nước thải tại điểm đấu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Cho phép các hộ gia đình được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đấu nối theo các quy định về đấu nối và thỏa thuận đấu nối.

Điều 25. Nội dung quy định đấu nối

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

Điều 26. Hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước

1. Đối tượng được hỗ trợ: hộ gia đình chính sách, hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo của tỉnh.

2. Phương thức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí lắp đặt từ hố kiểm tra đến vị trí đường ống thoát nước trong phạm vi phần đất của hộ gia đình;

b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ các dự án đầu tư hoặc từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, UBND cấp huyện quyết định mức hỗ trợ đầu nôi cho các đối tượng, trường hợp cụ thể.

Điều 27. Thỏa thuận và miễn trừ đầu nôi

1. Giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước phải được thỏa thuận bằng văn bản về vị trí đầu nôi, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nôi, thời điểm đầu nôi, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nôi.

2. Các trường hợp được miễn trừ đầu nôi vào hệ thống thoát nước gồm:

a) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và việc đầu nôi vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước;

b) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

Chương VI

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 28. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước

1. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đầy đủ hai phần: Chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ về thời gian, độ chính xác, an toàn, tiện lợi và thái độ phục vụ (văn minh, lịch sự,...).

2. Tùy từng điều kiện cụ thể của từng khu vực trên địa bàn tỉnh, đơn vị thoát nước xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước của đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu và Sở Xây dựng.

Điều 29. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với hộ gia đình vi phạm các quy định quản lý về thoát nước thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý, vận hành.

2. Đối với các hộ thoát nước khác vi phạm các quy định về thoát nước, đơn vị thoát nước có văn bản về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước thực hiện ngừng dịch vụ thoát nước theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật có liên quan; Trong trường hợp việc vi phạm có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước tiến hành lập

biên bản, yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay và báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước, đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. Nếu điểm đầu nổi xảy ra sự cố thì đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo chủ sở hữu và thực hiện khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất, đồng thời có biện pháp hạn chế tối đa thiệt hại môi trường xung quanh.

Điều 30. Tiếp cận, kiểm tra việc xả nước thải

1. Đơn vị thoát nước có quyền đột xuất kiểm tra lấy mẫu nước thải trong hồ kiểm tra của hộ thoát nước; kết quả xét nghiệm mẫu nước thải có thể sử dụng làm cơ sở để tính giá dịch vụ thoát nước.

2. Hộ thoát nước phải tạo điều kiện cho đơn vị thoát nước tiếp cận kiểm tra các công trình xả nước thải bên trong nhà, khuôn viên và lấy mẫu, cung cấp các số liệu kỹ thuật khi có yêu cầu.

Điều 31. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

1. Giá dịch vụ thoát nước là toàn bộ chi phí sản xuất được tính đúng, tính đủ và mức lợi nhuận hợp lý cho một mét khối nước thải (01 m^3) để thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và xử lý nước thải.

2. Giá dịch vụ thoát nước được xác định theo phương pháp quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá dịch vụ thoát nước.

3. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 80/NĐ-CP.

4. Việc định giá dịch vụ thoát nước phải căn cứ vào khối lượng nước thải và hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải. Việc xác định khối lượng nước thải và hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải được thực hiện theo Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 32. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND cấp huyện lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh;

- c) Thẩm định quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;
- d) Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước;
- đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định;
- e) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước;
- g) Có ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước tại các khu chức năng đặc thù để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;
- h) Thẩm định hồ sơ thiết kế và cấp giấy phép xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải thuộc thẩm quyền theo quy định;
- i) Thanh, kiểm tra các hoạt động thoát nước trên địa bàn theo quy định;
- k) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động thoát nước;
- l) Lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh;
- m) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động thoát nước theo yêu cầu của UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo phân cấp, phân quyền đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải trên địa bàn tỉnh xả thải vào nguồn tiếp nhận theo phân cấp; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

3. Sở Tài chính

- a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách nhà nước.
- b) Có ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong các khu chức năng đặc thù để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;
- c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

đ) Chịu trách nhiệm tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách và các nguồn vốn khác trình cơ quan thẩm quyền phân bổ kinh phí hàng năm cho các hoạt động thoát nước theo quy định;

e) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn cho các hoạt động thoát nước;

g) Tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển hệ thống thoát nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn từng thời kỳ và kế hoạch đầu tư hàng năm, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác đầu tư xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn.

c) Là đầu mối đăng ký với các bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

d) Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu chức năng đặc thù để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa và hình thức đối tác công tư (PPP).

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc tổ chức thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu chức năng đặc thù phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; Chủ trì thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định;

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu chức năng đặc thù vào hệ thống công trình thủy lợi.

7. Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và phát triển hệ thống thoát nước; quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành và các tuyến Quốc lộ trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý; phối hợp với chủ đầu tư hệ thống thoát nước và các đơn vị liên quan để có phương án thi công hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang (kể cả ngoài hành lang đường bộ) theo đường giao thông do mình quản lý.

8. Sở Y tế

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành. Tham gia cùng các cơ quan kiểm tra chất lượng nước xả ra môi trường.

9. Công an tỉnh

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

10. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát các Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao xây dựng theo quy hoạch và đón tiếp các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải.

c) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

d) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao;

đ) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn chỉ đạo, hướng dẫn các Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao báo cáo công tác quản lý

hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh.

11. Ban Quản lý đầu tư xây dựng tỉnh

a) Tổ chức lập quy hoạch, thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư, xây dựng hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng và các yêu khác theo quy định.

b) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo định kỳ hàng năm và đột xuất về chủ sở hữu, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện (nơi đầu tư dự án).

12. Chủ đầu tư các khu chức năng đặc thù

a) Xây dựng giá dịch vụ thoát nước trong khu do mình đầu tư, phát triển trình Sở Tài chính thẩm định làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

b) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong khu;

c) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh

Điều 33. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thoát nước và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp đảm bảo tiến độ, chất lượng và các yêu khác theo quy định.

2. Thẩm định hồ sơ thiết kế và cấp giấy phép xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải thuộc thẩm quyền theo quy định;

3. Thỏa thuận đấu nối thoát nước với các tổ chức, cá nhân hoặc ủy quyền thực hiện việc quản lý đấu nối trong địa giới hành chính do mình quản lý.

4. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối, xả thải cho hộ thoát nước; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước, trình Sở Xây dựng, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

5. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải.

6. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

7. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 34. Trách nhiệm của UBND cấp xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức tiếp nhận, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước do mình làm chủ sở hữu khi được UBND cấp huyện ủy quyền, phân cấp trên địa

bản mình quản lý, đảm bảo tiến độ, chất lượng và các yêu cầu khác theo quy định.

2. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải;

3. Thường xuyên kiểm tra, báo cáo kịp thời cho UBND cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

Điều 35. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin, truyền thông, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, đoàn thể, quần chúng trên địa bàn tỉnh

Đề nghị các cơ quan báo, đài phát thanh, truyền hình, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, các tổ chức đoàn thể, quần chúng trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động thoát nước; vận động nhân dân bảo vệ công trình thoát nước, bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác xuống suối và tại các cửa thu nước trên đường, chấp hành các quy định của pháp luật về thoát nước.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thoát nước xả thải ra vùng tiếp nhận thực hiện các điều khoản có liên quan trong Quy định này. Báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu để có biện pháp khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh